

Tìm hiểu nhận thức và sự hài lòng của sinh viên về phương pháp đóng vai trong đào tạo điều dưỡng

Trần Thị Nguyệt^{1*}, Trần Thị Hằng¹, Nguyễn Thị Anh Phương¹
(1) Khoa Điều Dưỡng, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Phương pháp đóng vai (PPĐV) là một chiến lược dạy học hữu ích giúp sinh viên học các kỹ năng cần thiết để phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai. **Mục tiêu:** 1. Tìm hiểu nhận thức của sinh viên điều dưỡng về PPĐV. 2. Khảo sát sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về PPĐV. **Đối tượng, phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp định lượng và định tính trên 156 SVĐD năm thứ 2 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Đánh giá nhận thức về PPĐV bằng 20 câu hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ và phỏng vấn sâu tìm hiểu cảm nhận của sinh viên; đánh giá sự hài lòng về PPĐV bằng bộ công cụ Learning Satisfaction gồm 9 câu theo thang đo Likert 5 mức độ. **Kết quả:** Sinh viên có nhận thức tích cực về PPĐV chiếm tỷ lệ 85,9%; tăng hiệu quả học tập, giúp phát triển bản thân và tăng cường sự kết nối là những điểm mà SV thích nhất từ phương pháp này. Bên cạnh đó các yếu tố chủ quan từ bản thân và yếu tố khách quan từ tình huống, kịch bản là những khó khăn mà SV đối mặt với PPĐV. Sinh viên khá hài lòng về PPĐV đạt $3,5 \pm 0,5$ điểm, trong đó SV hài lòng vì môn học này có hiệu quả trong việc tiếp thu các kỹ năng giao tiếp đạt ở mức cao nhất với $3,7 \pm 0,6$ điểm. **Kết luận:** Sinh viên có nhận thức tích cực và khá hài lòng về PPĐV. Cần tiếp tục duy trì và cải tiến việc áp dụng rộng rãi PPĐV như một chiến lược giảng dạy tích cực và hiệu quả trong đào tạo điều dưỡng.

Từ khóa: phương pháp đóng vai, nhận thức, sự hài lòng, sinh viên điều dưỡng.

Abstract

Exploring the perception and satisfaction of students about role-play method in nursing education

Tran Thi Nguyet^{1*}, Tran Thi Hang¹, Nguyen Thi Anh Phuong¹
(1) Faculty of Nursing, University of Medicine and Pharmacy, Hue University

Introduction: Role-play is an effective teaching strategy that helps students obtain the essential skills to be suitable for future careers. **Objectives:** 1. Exploring the perception of nursing students about the role-play method. 2. Surveying satisfaction of nursing students about role-play method. **Methodology:** A descriptive cross-sectional study, combining quantitative and qualitative on 156 2nd nursing students at Hue University of Medicine and Pharmacy. Assessing perception of role-play by 20 questions on a 5-point Likert scale and in-depth interview to find out student's awareness; Satisfaction of role-play was assessed by the Learning Satisfaction scale consisting of 9 questions on a 5-point Likert scale. **Results:** Most students had a positive perception of the role-play method, accounting for 85.9%; increasing effective learning, helping self-development, and enhancing connection are the points that students like the most from this method. Besides that, internal factors from students and external factors from situations and scenarios of lessons are obstacles that students face with the role-play method. Students are quite satisfied with the role-play method, reaching 3.5 ± 0.5 points, which students are satisfied because this subject is effective in acquiring communication skills, reaching the highest level (3.7 ± 0.6 points). **Conclusion:** Students had a positive perception and were quite satisfied with the role-play method. It is necessary to maintain and upgrade the widespread adoption of role-play as an active and effective teaching strategy in nursing education.

Keywords: role-play, perception, learning satisfaction, nursing student.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, bên cạnh các phương pháp giảng dạy truyền thống thì các chiến lược dạy học tích cực đã và đang được áp dụng rộng rãi trong đào tạo điều

dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu người học cũng như nâng cao hiệu quả dạy học. Trong đó, phương pháp đóng vai (PPĐV) được xem là một chiến lược dạy học hữu ích, cho phép sinh viên đảm nhận các vai

trò khác nhau và trải nghiệm các tình huống sát với thực tế thông qua việc giải quyết vấn đề theo kịch bản. Phương pháp đóng vai có tác động tích cực giúp sinh viên học các kỹ năng cần thiết để phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai [1]; nâng cao năng lực học tập tự định hướng, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy tích cực [2]; tăng sự tương tác giữa sinh viên - sinh viên, giữa sinh viên - giảng viên và tạo ra một môi trường học tập chủ động, trong đó sinh viên có thể tự do bày tỏ quan điểm của mình [3].

Đóng vai là một trong những phương pháp được Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y - Dược Huế quan tâm và áp dụng giảng dạy cho sinh viên; trong đó đã triển khai giảng dạy phần thực hành thuộc học phần “Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng” (KNGT trong THĐD) cho sinh viên điều dưỡng chính quy năm thứ 2. Phần thực hành bao gồm 30 tiết, được thực hiện trong vòng 6 tuần, mỗi tuần một buổi có thời lượng 5 tiết với các tình huống có nội dung như: kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, kỹ năng giao tiếp với người nhà bệnh nhân, kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, kỹ năng thảo luận nhóm, và kỹ năng khai thác bệnh sử. Đây là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo ngành điều dưỡng, sinh viên được yêu cầu giải quyết các tình huống bằng cách viết kịch bản và thể hiện hoạt động đóng vai theo nhóm với các vai trò khác nhau như: điều dưỡng, đồng nghiệp, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân...

Sự hài lòng của sinh viên đối với một phương pháp học tập là một trong các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dạy học. Một nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng đối với phương pháp dạy học đóng vai cao hơn phương pháp e-learning và bài giảng [4]. Do đó, phương pháp đóng vai được kỳ vọng ứng dụng phổ biến trong đào tạo Điều dưỡng [5]. Để ứng dụng rộng rãi phương pháp này trong đào tạo điều dưỡng tại Trường Đại học Y - Dược Huế thì việc tìm hiểu nhận thức và khảo sát sự hài lòng của sinh viên đối với PPĐV là cần thiết. Nó sẽ góp phần cung cấp những thông tin cơ bản, tạo tiền đề cho những nghiên cứu sau này cũng như đề xuất các biện pháp thay đổi phương pháp dạy học phù hợp với nhu cầu người học, nâng cao các kỹ năng thiết thực cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo điều dưỡng nói riêng và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: **“Tìm hiểu nhận thức và sự hài lòng của sinh viên về phương pháp đóng vai trong đào tạo điều dưỡng”**, với hai mục tiêu:

1. *Tìm hiểu nhận thức của sinh viên điều dưỡng về phương pháp đóng vai.*

2. *Khảo sát sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về phương pháp đóng vai.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: 156 sinh viên điều dưỡng chính quy đang học năm thứ 2 khóa học 2019-2023 tại Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: sinh viên sau khi trải nghiệm phương pháp đóng vai trong học phần “Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng” và đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên không tham gia đầy đủ các buổi học và vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang, kết hợp định lượng và định tính.

2.2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu: nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2022 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2.2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu toàn bộ với 162 sinh viên điều dưỡng chính quy đang học năm thứ 2; trong đó có 2 SV vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu và 4 SV điền thông tin không hợp lý. Do đó, nghiên cứu được tiến hành trên 156 SV với tỷ lệ tham gia nghiên cứu là 96,3%.

2.2.4. Phương pháp và quy trình thu thập số liệu:

- Lập phiếu điều tra theo nội dung nghiên cứu và kiểm tra độ tin cậy của bộ công cụ.

- Mời đối tượng đủ tiêu chuẩn chọn mẫu tham gia vào nghiên cứu và thông báo mục đích, giải thích rõ các thắc mắc nếu có.

- Nghiên cứu viên tiến hành thu thập số liệu bằng bộ câu hỏi tự điền được thiết kế sẵn sau khi sinh viên kết thúc môn học “Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng”.

- Nghiên cứu viên giải thích rõ ý nghĩa từng mục trong phiếu điều tra trước khi SV điền và có mặt tại thời điểm thu thập dữ liệu để hỗ trợ ĐTNC trong suốt quá trình tiến hành, đồng thời giám sát tránh trao đổi giữa các đối tượng nghiên cứu. Khi ĐTNC nộp phiếu điều tra, NCV kiểm tra xem phiếu đã được điền đầy đủ chưa. Những trường hợp còn thiếu, NCV yêu cầu người tham gia bổ sung đầy đủ.

2.3. Nội dung và các biến số nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu được thiết kế theo mục tiêu nghiên cứu gồm 3 phần như sau:

2.3.1. Đặc điểm chung của ĐTNC: gồm biến giới,

tuổi, học lực, điểm trung bình các môn học (GPA) và phương pháp học tập yêu thích.

2.3.2. Nhận thức về phương pháp đóng vai:

- Được tìm hiểu qua nghiên cứu định lượng bằng bộ câu hỏi gồm 20 câu được thiết kế dựa trên nghiên cứu của Dawood, E. (2013) [1], mỗi câu được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý), điểm nhận thức giao động từ 20-100 điểm. Đánh giá nhận thức về phương pháp đóng vai được chia làm 3 mức độ: ≤ 40 điểm: nhận thức tiêu cực gồm hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý; 41 đến 60 điểm: nhận thức trung lập; và ≥ 61 điểm: nhận thức tích cực gồm hoàn toàn đồng ý và đồng ý về PPDV. Độ tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo trong nghiên cứu này là 0,91.

- Ngoài ra, nhận thức về phương pháp đóng vai còn được tìm hiểu qua nghiên cứu định tính bằng các câu hỏi mở yêu cầu ĐTNC mô tả cảm nhận của mình về phương pháp đóng vai, liệt kê ra những điều SV thích nhất và những khó khăn gặp phải khi tham gia vào lớp học với phương pháp đóng vai.

2.3.3. HÀI LÒNG VỀ PHƯƠNG PHÁP ĐÓNG VAI: sử dụng bộ câu hỏi đánh giá sự hài lòng trong học tập của

Cho, Y. H., & Kweon, Y. R. (2017) gồm 9 câu chia làm 2 lĩnh vực: hài lòng về tính hữu ích và hài lòng về tính hiệu quả, đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ từ 1 (rất không hài lòng) đến 5 (rất hài lòng) [6]. Độ tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo trong nghiên cứu này là 0,89.

2.4. Phương pháp phân tích số liệu:

- Số liệu định lượng được nhập, xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Tỷ lệ phần trăm và phân bố tần suất, trung bình và độ lệch chuẩn được dùng để mô tả các biến số.

- Số liệu định tính được xử lý và phân tích theo phương pháp Phân tích nội dung. Nội dung câu trả lời được mã hóa theo chủ đề và tóm tắt vào bảng tổng hợp.

2.5. Đạo đức trong nghiên cứu:

- Đề cương nghiên cứu được thông qua bởi hội đồng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế và nhận được sự đồng ý tham gia của ĐTNC trước khi tiến hành thu thập số liệu.

- Giải thích rõ ràng về mục đích và nội dung của NC trước khi tiến hành phát vấn, mọi thông tin cá nhân về ĐTNC được giữ kín, thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích NC.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

	Biến số	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới	Nữ	142	91,0
	Nam	14	9,0
Tuổi	Trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn (Lớn nhất - Nhỏ nhất)	20,1 $\pm$ 0,4 (20 – 22)	
Học lực học kỳ trước	Yếu	2	1,3
	Trung bình	43	27,6
	Khá	80	51,3
	Giỏi/ Xuất sắc	31	19,8
GPA học kỳ trước	Trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn (Lớn nhất – Nhỏ nhất)	2,8 $\pm$ 0,4 (1,6 – 3,7)	
Phương pháp học yêu thích nhất	Truyền thống	71	45,5
	Đóng vai	37	23,7
	Học tập dựa trên vấn đề	31	19,9
	E-learning	17	10,9

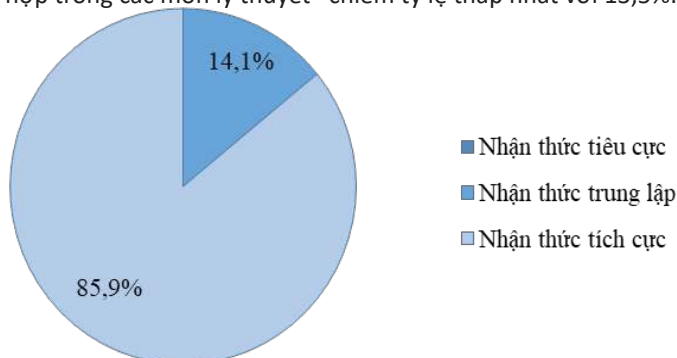
Nhận xét: Trong 156 SV tham gia NC có 91% là nữ, độ tuổi trung bình là 20,1 $\pm$ 0,4 tuổi, 71,1% SV có học lực loại khá trở lên và GPA trung bình là 2,8 $\pm$ 0,4/4. Trong các phương pháp học được yêu thích nhất, phương pháp đóng vai đứng vị trí thứ 2, chiếm 23,7%.

3.2. Nhận thức về phương pháp đóng vai

Bảng 2. Nhận thức về phương pháp đóng vai

Nhận thức	Đồng ý n (%)	Trung lập n (%)	Không đồng ý n (%)
Đóng vai là một phương pháp dạy học rất hữu ích	88 (56,4)	61 (39,1)	7 (4,5)
Đóng vai là một cách thức truyền tải thông tin thú vị	113 (72,4)	36 (23,1)	7 (4,5)
Tôi thích lớp học có sử dụng phương pháp đóng vai	61 (39,1)	85 (54,5)	10 (6,4)
Tôi thích môn học có các hoạt động đóng vai hơn	47 (30,1)	72 (46,2)	37 (23,7)
Tôi thích các hoạt động thực hành như đóng vai hơn so với bài giảng	107 (68,6)	39 (25,0)	10 (6,4)
Tôi thích làm việc với những thành viên khác trong lớp học có sử dụng PPĐV	54 (34,6)	81 (51,9)	21 (13,5)
PPĐV đã cải thiện kiến thức của tôi về KNGT	98 (62,8)	54 (34,6)	4 (2,6)
PPĐV đã giúp tôi thu thập thông tin học tập	62 (39,7)	82 (52,6)	12 (7,7)
PPĐV giúp tôi nhớ thông tin nhiều hơn các phương pháp truyền thống khác	62 (39,7)	69 (44,2)	25 (16,0)
Tham gia hoạt động đóng vai trong lớp học này sẽ có ích cho việc thực hành lâm sàng trong tương lai	123 (78,8)	28 (17,9)	5 (3,2)
PPĐV đã giúp tôi cải thiện kỹ năng giao tiếp	104 (66,7)	49 (31,4)	3 (1,9)
PPĐV đã giúp tôi phát triển sự tự tin	96 (61,5)	55 (35,3)	5 (3,2)
PPĐV giúp tôi đối phó với sự lo lắng và sợ hãi trước khi đối mặt với các tình huống CS trong tương lai	82 (52,6)	63 (40,4)	11 (7,1)
PPĐV đã giúp tôi xóa bỏ rào cản giao tiếp với GV	68 (43,6)	77 (49,4)	11 (7,1)
PPĐV đã hướng tôi đến tư duy phản biện	90 (57,7)	61 (39,1)	5 (3,2)
PPĐV tạo ra sự tập trung chú ý tốt hơn so với bài giảng	83 (53,2)	59 (37,8)	14 (9,0)
PPĐV chỉ nên được kết hợp trong các môn thực hành	42 (26,9)	56 (35,9)	58 (37,2)
PPĐV chỉ nên được kết hợp trong các môn lý thuyết	21 (13,5)	65 (41,7)	70 (44,9)
PPĐV nên được kết hợp cả môn lý thuyết và thực hành	89 (57,1)	57 (36,5)	10 (6,4)
Tôi khuyến khích việc tích hợp PPĐV vào CTĐT	72 (46,2)	71 (45,5)	13 (8,3)

Nhận xét: SV đồng ý “tham gia hoạt động đóng vai sẽ có ích cho việc thực hành lâm sàng trong tương lai” chiếm tỷ lệ cao nhất với 78,8% và 72,4% SV cho rằng “Đóng vai là một cách thức truyền tải thông tin thú vị”. “PPĐV chỉ nên được kết hợp trong các môn lý thuyết” chiếm tỷ lệ thấp nhất với 13,5%.



Biểu đồ 1. Phân loại nhận thức về phương pháp đóng vai

Nhận xét: Tỷ lệ SV có nhận thức tích cực về phương pháp đóng vai chiếm chủ yếu với 85,9%, 14,1% có nhận thức trung lập và không có SV nhận thức tiêu cực.

Bảng 3. Cảm nhận, điểm thích nhất và khó khăn của SV về phương pháp đóng vai

Cảm nhận	❖ Tích cực: - Thú vị, hứng thú học tập - Không khí học vui vẻ, sôi nổi - Buổi học trực quan, sinh động - Tự hào về bản thân	❖ Tiêu cực: - Sợ hãi mỗi khi đến tiết học - Khá khô khan - Áp lực khi nhận tình huống - Lo lắng, hồi hộp khi nhận vai
Điểm thích nhất	❖ Tăng hiệu quả học tập: - Tăng sự chú ý, tập trung đến bài học - Tiếp thu bài học dễ hơn và nhớ lâu hơn - Rút ra nhiều kinh nghiệm ứng xử trên LS - Trải nghiệm tình huống sát với thực tế và nhiều vai trò khác nhau ❖ Giúp phát triển bản thân: - Phát triển các kỹ năng mềm: giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo - Cải thiện sự tự tin, tăng khả năng sáng tạo - Nêu được ý kiến riêng của bản thân - Có cơ hội diễn xuất trước đám đông	❖ Tăng cường sự kết nối: - Tăng cường thảo luận, trao đổi ý kiến - Mở rộng và tạo mối quan hệ tốt với bạn bè - Hiểu và thân thiết với các bạn hơn - Tất cả thành viên cùng tham gia với vai trò khác nhau
Khó khăn	❖ Yếu tố từ bản thân: - Thiếu tự tin - Rụt rè, ngại giao tiếp - Vai diễn không phù hợp với tính cách - Khả năng diễn xuất chưa tốt - Bất đồng quan điểm giữa các cá nhân - Kỹ năng xử lý tình huống chưa tốt	❖ Yếu tố từ tình huống và kịch bản: - Khó khăn trong việc viết kịch bản - Tình huống khó và chưa có kinh nghiệm giải quyết - Thời gian giải quyết vấn đề hạn chế

Nhận xét: Kết quả NC định tính cho thấy, SV điều dưỡng sau khi trải nghiệm phương pháp đóng vai trong môn học “KNGT trong THĐD” có những cảm nhận rất khác nhau, một số SV cảm thấy đây là phương pháp học tập thú vị làm cho họ cảm thấy thích thú học tập hơn; không khí của buổi học trở nên vui vẻ và sôi nổi hơn với nhiều hoạt động; buổi học với nhiều tình huống trực quan và sinh động; SV cảm thấy tự hào sau môn học vì bản thân đã hoàn thành được những vai diễn. Tuy nhiên, bên cạnh đó một số SV có cảm nhận tiêu cực sau khi trải nghiệm phương pháp này như: cảm giác sợ hãi mỗi khi đến buổi học với PPĐV; các tình huống khá khô khan; áp lực mỗi khi nhận tình huống và lo lắng, hồi hộp không biết mình sẽ nhận được vai trò gì.

PPĐV được áp dụng trong môn học này đưa SV vào những tình huống thực tế trên lâm sàng và những vai trò khác nhau. Những điểm SV thích nhất và khó khăn gặp phải trong quá trình học với PPĐV được SV nêu ra ở Bảng 3. Điểm thích nhất được phân làm 3 nhóm: tăng hiệu quả học tập, giúp phát triển bản thân và tăng cường sự kết nối; ngoài ra khó khăn được chia làm 2 nhóm: yếu tố từ bản thân và yếu tố từ tình huống, kịch bản của bài học.

3.3. Sự hài lòng về phương pháp đóng vai

Bảng 4. Sự hài lòng về phương pháp đóng vai

Sự hài lòng về phương pháp đóng vai	Trung bình ± Độ lệch chuẩn
Tính hữu ích	3,4 ± 0,6
Tôi đã trải qua khoảng thời gian thú vị và có ý nghĩa khi tham gia môn học này	3,6 ± 0,7
Thông qua môn học này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ mà tôi mong muốn	3,3 ± 0,7
Tôi sẽ giới thiệu môn học này để những bạn khác tham gia	3,3 ± 0,7
Nếu có cơ hội tôi vẫn muốn tham gia những lớp học như thế này trong tương lai	3,5 ± 0,8
Tính hiệu quả	3,6 ± 0,5
Môn học này có hiệu quả trong việc giúp tôi hiểu và thể hiện cảm xúc của mình	3,6 ± 0,6
Môn học này có hiệu quả trong việc giúp tôi hiểu và đồng cảm với cảm xúc của người khác	3,6 ± 0,7

Môn học này có hiệu quả trong việc giúp tôi tiếp thu các kỹ năng giao tiếp	3,7 ± 0,6
Môn học này giúp tôi hiểu vấn đề và giải quyết nó một cách hợp lý	3,6 ± 0,6
Các ví dụ được trình bày trong môn học này có hiệu quả trong việc giúp tôi hiểu nội dung môn học	3,6 ± 0,7
Hài lòng chung	3,5 ± 0,5

Nhận xét: Mức độ hài lòng chung của SV về PPĐV đạt ở mức khá cao $3,5 \pm 0,5/5$ điểm, trong đó SV hài lòng vì môn học này có hiệu quả trong việc tiếp thu các kỹ năng giao tiếp đạt ở mức cao nhất với $3,7 \pm 0,6$ điểm.

4. BÀN LUẬN

4.1. Nhận thức về phương pháp đóng vai của ĐTNC

Đóng vai là một phương pháp giảng dạy hiệu quả trong đào tạo điều dưỡng giúp nâng cao khả năng tư duy phản biện của SV, cải thiện kỹ năng giao tiếp và chuẩn bị cho SV điều dưỡng thực hành các kỹ năng điều dưỡng trong các tình huống lâm sàng thực tế [1]. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết SV có nhận thức tích cực về PPĐV chiếm tỷ lệ 85,9%, có 57,1% SV đồng ý PPĐV nên được kết hợp cả môn lý thuyết và thực hành, 46,2% SV khuyến khích việc tích hợp PPĐV vào chương trình đào tạo. Kết quả này tương đồng với NC của Dawood, E. (2013), trong 139 SVĐD có 127 SV (91,4%) có cái nhìn tích cực về PPĐV [1]. Dieckman, P., và cộng sự (2008) khuyến nghị sử dụng đóng vai như một thành phần thiết yếu được tích hợp trong chương trình giáo dục y khoa [8]. Phát hiện này có thể được giải thích bởi thực tế là các môn học thực hành cần sự tương tác nhiều hơn giữa người hướng dẫn và sinh viên cũng như giữa các sinh viên để cung cấp thông tin hiệu quả hơn, trong khi các lớp lý thuyết về cơ bản truyền tải các dữ kiện và thông tin lý thuyết có thể được cung cấp thông qua bài giảng hoặc các chiến lược giảng dạy tương tự khác.

Kết quả định tính cho thấy một cái nhìn tổng quan về cảm nhận của SV đối với PPĐV: Một số SV cảm thấy thú vị và hứng thú học tập hơn với hoạt động đóng vai. Hơn nữa kết quả định lượng cũng chỉ ra rằng có 72,4% SV đồng ý đóng vai là một cách thức truyền tải thông tin thú vị và 68,6% SV thích các hoạt động thực hành như đóng vai hơn so với bài giảng. Điều này có thể giải thích do đóng vai tạo cơ hội cho SV trải nghiệm những tình huống lâm sàng sát thực tế và cho phép người học vào vai các nhân vật khác nhau. Mặc dù một số SV nói rằng họ sợ hãi mỗi khi đến tiết học đóng vai, áp lực khi nhận tình huống và lo lắng mỗi khi nhận vai diễn; nhưng có 96 SV (61,5%) đồng ý rằng đóng vai như một chiến

lược giảng dạy để nâng cao sự tự tin của họ, 82 SV (52,6%) ủng hộ PPĐV giúp họ đối phó với sự lo lắng và sợ hãi trước khi đối mặt với các tình huống lâm sàng trong tương lai. Những kết quả này tương tự kết quả NC của Dawood, E. (2013) với các tỷ lệ lần lượt là 78,4% và 69,1% [1].

Những điểm mà SV thích nhất sau khi trải nghiệm PPĐV trong thực hành KNGT trong THĐD được báo cáo là có hiệu quả trong học tập như tăng sự tập trung, chú ý đến bài học từ đó giúp cho việc tiếp thu bài học dễ hơn và nhớ lâu hơn; rút ra nhiều kinh nghiệm ứng xử trên lâm sàng. Trong số 156 SV được khảo sát, có 53,2% SV cho rằng PPĐV tạo ra sự tập trung chú ý tốt hơn so với bài giảng và 78,8% SV nhận thấy tham gia hoạt động đóng vai trong lớp học này sẽ có ích cho việc thực hành lâm sàng trong tương lai của họ. Theo mô hình Tháp học tập của Viện Nghiên cứu Giáo dục Mỹ, chỉ ra mức độ tiếp thu của người học theo các phương pháp khác nhau, trong đó 75% người học tiếp thu từ việc tự trải nghiệm [9]. Đóng vai là một trong những hoạt động học tập yêu cầu SV phải tự mình giải quyết tình huống bằng cách xây dựng kịch bản cùng với các vai diễn. Bên cạnh đó, PPĐV còn giúp bản thân người học phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tăng khả năng sáng tạo và sự tự tin của SV; đồng thời tăng cường sự kết nối với các thành viên khác. NC định lượng cho thấy: có 66,7% SV đồng ý PPĐV giúp cải thiện kỹ năng giao tiếp, tuy nhiên chỉ có 34,6% SV thích làm việc với những thành viên khác. Theo NC của Manzoor, I., Mukhtar, F., & Hashmi, N. R. (2012), trong 63 SV Y Khoa năm thứ 3 và 4 tham gia NC có 56 SV (88,9%) đồng ý PPĐV cải thiện kỹ năng giao tiếp của họ [10].

Ngoài ra, một số khó khăn mà SV phải đối mặt khi tham gia các buổi học với PPĐV được khảo sát như: thiếu tự tin, ngại giao tiếp, bất đồng quan điểm, khả năng diễn xuất chưa tốt và vai diễn không phù hợp với tính cách là những yếu tố chủ quan xuất phát từ bản thân người học. Bên cạnh đó, các yếu tố khách quan xuất phát từ tình huống và xây dựng kịch bản cũng đem đến không ít khó khăn cho SV như: tình huống khó trong khi bản thân chưa được trải nghiệm, làm sao để viết kịch bản hay và phù hợp, thiếu thời gian để xây dựng kịch bản cũng như trình diễn. NC của Whitehair & O, Reilly (2010) cho

thấy cải thiện sự tự tin, phát triển bản thân và sự hợp tác là kết quả tích cực của trải nghiệm đóng vai [11]. Hơn nữa, Dawood, E. (2013) tìm thấy SV điều dưỡng gặp một số khó khăn khi trải nghiệm PPĐV như: bản thân SV nhút nhát, khó khăn trong việc tạo và viết kịch bản, mất thời gian chuẩn bị kịch bản... [1]. Giải thích cho điều này, SV điều dưỡng năm thứ 2 chưa có cơ hội thực hành lâm sàng tại bệnh viện, chưa được tiếp xúc cũng như trải nghiệm những tình huống thực tế trên lâm sàng. Do đó, khi SV tham gia vào các vai trò như người điều dưỡng, bệnh nhân hay người nhà bệnh nhân trong các tình huống để đóng vai làm cho họ còn nhiều bỡ ngỡ và đối mặt với một số khó khăn.

4.2. Hải lòng về phương pháp đóng vai của ĐTNC

Chang, I. Y., & Chang, W. Y., (2012) mô tả sự hài lòng trong học tập là kết quả của các hoạt động giảng dạy đáp ứng các nhu cầu học tập mà sinh viên cảm nhận được [12]. Trong nghiên cứu này, mức độ hài lòng chung của SVĐD về PPĐV đạt ở mức khá cao $3,5 \pm 0,5/5$ điểm; trong đó SV hài lòng về tính hiệu quả của đóng vai đạt 3,6 điểm và hài lòng về tính hữu ích được 3,4 điểm. Dorri, S và cộng sự (2019) cho rằng PPĐV giúp cải thiện kết quả học tập của SV điều dưỡng và nhấn mạnh đây là phương pháp học tập hiệu quả [13].

Ahmady, S., Shahbazi, S., & Khajeali, N. (2021) khi tiến hành NC so sánh hiệu quả của phương pháp truyền thống và phương pháp đóng vai của SV điều

dưỡng trong khóa học giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân cho thấy: SV trải nghiệm PPĐV hài lòng cao hơn so với nhóm học truyền thống [14]. Bên cạnh đó, NC của Pourghanein, T và cộng sự (2015) tìm thấy sự hài lòng của SV về phương pháp đóng vai cao hơn đáng kể so với phương pháp học tập e-learning [4]. Theo kết quả NC này, trong các phương pháp học được yêu thích nhất thì phương pháp đóng vai đứng vị trí thứ 2 chiếm tỷ lệ 23,7%.

5. KẾT LUẬN

Hầu hết sinh viên điều dưỡng có nhận thức tích cực về PPĐV chiếm tỷ lệ 85,9%. Điểm yêu thích nhất của SV về PPĐV được chia làm 3 nhóm: tăng hiệu quả học tập, giúp phát triển bản thân và tăng cường sự kết nối. Tuy nhiên các yếu tố chủ quan từ bản thân sinh viên và yếu tố khách quan từ tình huống và kịch bản của bài học là rào cản của SV đối với phương pháp học tập tích cực này.

Mặc dù ban đầu trải nghiệm phương pháp đóng vai SV có những sợ hãi, lo lắng và áp lực; nhưng sinh viên khá hài lòng với phương pháp đóng vai, đạt $3,5 \pm 0,5/5$ điểm. Trong đó SV hài lòng vì môn học này có hiệu quả trong việc tăng tiếp thu các kỹ năng giao tiếp đạt ở mức cao nhất với $3,7 \pm 0,6$ điểm.

6. KIẾN NGHỊ

Cần tiếp tục duy trì và cải tiến việc áp dụng rộng rãi phương pháp đóng vai như một chiến lược giảng dạy tích cực và hiệu quả vào đào tạo điều dưỡng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dawood, E. (2013). Nursing students' perspective about role-play as a teaching strategy in PsychiatricNursing. Journal of Education and Practice. Vol. 4, No. 4.
2. Su, O. K, So, M. K. (2015). Effects of the Role Play-Based Practice Education on Nursing Students. Journal of the Korean Data Analysis Society. Vol. 17, No. 5 (B), pp. 2837-2848.
3. Kang, M. O. (2013). The effect of counseling challenges coping training using role play on counseling challenges self-efficacy and social distance toward the mentally-ill among nursing students, Korean Journal of Psychodrama, 16(2), 137-151.
4. Pourghaznein, T., Sabeghi, H., & Shariatinejad, K. (2015). Effects of e-learning, lectures, and role playing on nursing students' knowledge acquisition, retention and satisfaction. Medical journal of the Islamic Republic of Iran, 29, 162.
5. Chan, Z. C. (2012). Role-playing in the problem-based learning class. Nurse Education in Practice, 12(1), 21-27.
6. Cho, Y. H., & Kweon, Y. R. (2017). Effects of team-

based learning on communication competence for undergraduate nursing students. Journal of Korean Academy of Psychiatric and Mental Health Nursing, 26(1), 101-110.

7. Manzoor, I., Mukhtar, F. & Hashmi, N. R. (2012). Medical Students' Perspective about Role-Plays as A Teaching Strategy in Community Medicine. Journal of the College of Physicians and Surgeons Pakistan. 22 (4): 222-225.

8. Dieckmann P, Rall M, Eich C, Schnabel K, Junger J, Nikendei C. (2008). Role playing as an essential element of simulation procedures in medicine]. Z Evid Fortbild Qual Gesundheitswes. 102:642-7.

9. Pyramid, L. National Training Laboratories. NTL Institute for Applied Behavior Science, 300.

10. Manzoor, I., Mukhtar, F., & Hashmi, N. R. (2012). Medical students' perspective about role-plays as a teaching strategy in community medicine. J Coll Physicians Surg Pak, 22(4), 222-5.

11. Whitehair, L., O'Reilly, M. (2010). Media supported problem-based learning and role-play in clinical nurse

education. In C. H. Steel, M.J. Keppell, P. Gerbic & S. Housego (Eds.), Curriculum, technology & transformation for an unknown future. Proceedings ascilite Sydney. 1056 – 1067.

12. Chang, I-Ying & Chang, Wan-Yu. (2012). The Effect of Student Learning Motivation on Learning Satisfaction. International Journal of Organizational Innovation, 4 (3), 281-305. Retrieved from <http://search.proquest.com/docview/921995037?accountid=15533>

13. Dorri, S., Farahani, M. A., Maserat, E., & Haghani, H. (2019). Effect of role-playing on learning outcome of nursing students based on the Kirkpatrick evaluation model. Journal of Education and Health Promotion, 8.

14. Ahmady, S., Shahbazi, S., & Khajeali, N. (2021). Comparing the effect of traditional and role-play training methods on nursing students' performance and satisfaction in the principles of patient education course. Journal of Education and Health Promotion, 10.